

Ngày soạn: 3/9/2025

PHẦN 1. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

TIẾT 1-2. BÀI 1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Xác định được đặc điểm vị trí địa lí; phạm vi lãnh thổ Việt Nam và các tỉnh, thành phố trên bản đồ.
- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

2. Năng lực:

* Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
 - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
 - + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

* Năng lực đặc thù:

- *Nhận thức khoa học địa lí:*
 - + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian
 - > Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí và phạm vi lãnh thổ nước ta.
 - > Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng.
- *Tìm hiểu địa lí:*
 - + Sử dụng các công cụ địa lí
 - > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...
 - > Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam.
 - > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: tính được giới hạn tọa độ nước ta.
 - > Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.
- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*
 - + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về vị trí địa lí, chủ quyền lãnh thổ nước ta.
 - + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến khẳng định và bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ nước ta.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Có ý thức đấu tranh để bảo vệ chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ nước ta.
- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác.
- *Chăm chỉ:* Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực* trong học tập.
- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

Tiết	Ngày dạy	Lớp	Sĩ số	Ghi chú

2. Kiểm tra bài cũ: Không kiểm tra.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu:** Tạo sự hứng thú và huy động kiến thức đã có của HS về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) **Sản phẩm:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Trình chiếu và cho HS chơi “Trò chơi ô chữ”, HS theo dõi và trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS theo dõi, có 10 giây suy ngẫm để trả lời câu hỏi.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

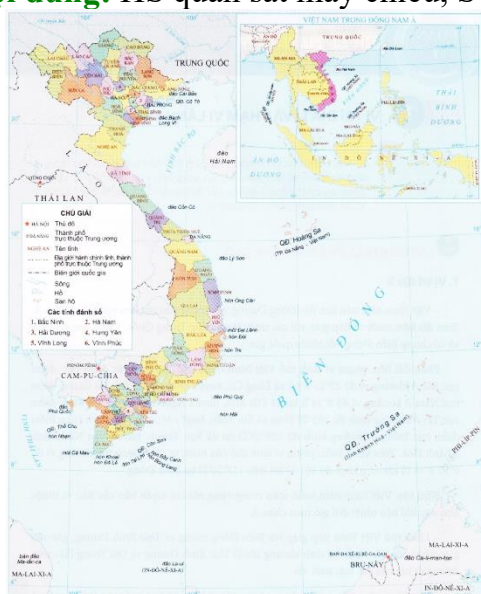
Mở đầu: Việt Nam có vị trí địa lí đặc biệt. Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm vùng đất, vùng biển, vùng trời. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ có ảnh hưởng như thế nào đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của nước ta?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

a) **Mục tiêu:** HS xác định được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta.

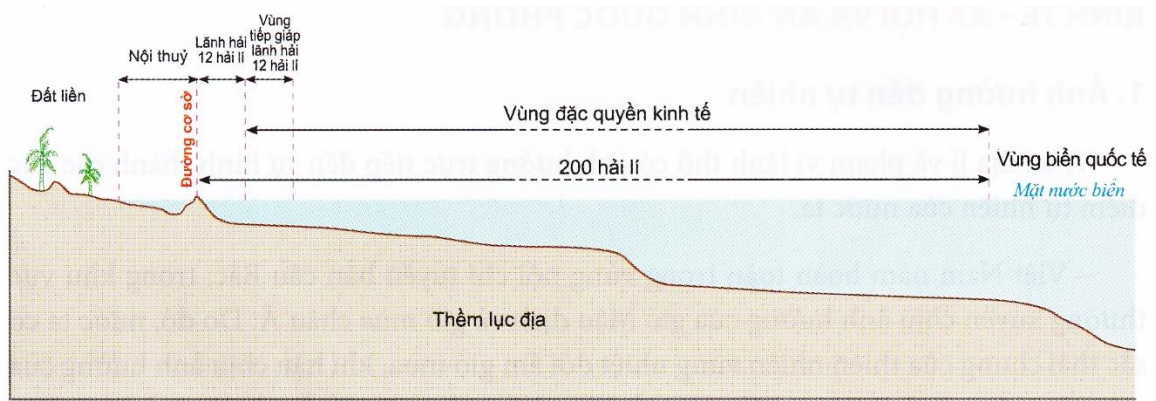
b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.



Hình 1.1. Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2021



TỶ LỆ 1 : 9 000 000



Ghi chú: 1 hải lý = 1 852 m

Hình 1.2. Sơ đồ mặt cắt khái quát các vùng biển Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam năm 2012)

* **Nhóm 1, 3:** Hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đặc điểm chung			
Tiếp giáp	Bắc		
	Tây		
	Đông, Đông Nam, Nam		
Tọa độ	Vùng	Đất liền	Biển
	Điểm cực		
	Bắc		
	Nam		
	Tây		
	Đông		

* **Nhóm 2, 4:** Hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Vùng đất	Gồm	
	Diện tích	
	Biên giới	
Vùng biển	Diện tích	
	Tiếp giáp	
	Gồm 5 bộ phận:	
	Nội thủy	
	Lãnh hải	
	Tiếp giáp lãnh hải	
	Đặc quyền kinh tế	
	Thềm lục địa	
Vùng trời		

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ

1. Vị trí địa lí

Đặc điểm chung	- Nằm trên bán đảo Đông Dương. - Gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á. - Nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc và thuộc khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa châu Á. - Gần nơi giao nhau của các vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải. - Trên đường di lưu của các loài sinh vật. - Nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế. - Nằm trong khu vực kinh tế phát triển năng động bậc nhất trên thế giới. - Kinh tuyến 105°Đ chạy qua $\Rightarrow$ đại bộ phận lãnh thổ nằm trong múi giờ số 7.		
Tiếp giáp	Bắc	Trung Quốc	
	Tây	Lào và Cam-pu-chia	
	Đông, Đông Nam, Nam	Biển Đông thông ra Thái Bình Dương	
Tọa độ	Vùng <i>Điểm cực</i>	Đất liền	Biển
	Bắc	23°23'B Xã Lũng Cú, tỉnh Tuyên Quang	Kéo dài tới khoảng 6°50'B
	Nam	8°34'B Xã Đất Mũi, tỉnh Cà Mau	
	Tây	102°09'Đ Xã Sín Thầu, tỉnh Điện Biên	Khoảng 101°Đ - 117°20'Đ
	Đông	109°28'Đ Xã Đại Lãnh, tỉnh Khánh Hoà	

2. Phạm vi lãnh thổ

Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn bao gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời.

Vùng đất	Gồm	- Đất liền + các hải đảo.
	Diện tích	- Hơn 331 nghìn km ²
	Biên giới	- Chung đường biên giới với 3 quốc gia là: Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia.
Vùng biển	Diện tích	- Khoảng 1 triệu km ²
	Tiếp giáp	Trung Quốc, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Cam-pu-chia và Thái Lan.
	Gồm 5 bộ phận:	
	Nội thủy	Là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở.
	Lãnh hải	- Rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển. - Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.
	Tiếp giáp lãnh hải	Rộng 12 hải lí tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.
	Đặc quyền kinh tế	Rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.
Vùng trời	Thêm lục địa	Là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển.
	- Là khoảng không gian bao trùm lên trên lãnh thổ. + Giới hạn trên đất liền là đường biên giới. + Giới hạn trên biển là ranh giới ngoài của lãnh hải và không gian của các đảo.	

EM CÓ BIẾT?

Luật Biển Việt Nam được Quốc hội thông qua vào ngày 21 tháng 6 năm 2012. Luật gồm 7 chương, 55 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2013. Chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa được khẳng định từ Điều 1 của luật.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên

a) Mục tiêu: HS phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên nước ta.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

* **Câu hỏi:** Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên của nước ta.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. ẢNH HƯỞNG CỦA VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ ĐẾN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ AN NINH QUỐC PHÒNG

1. Ảnh hưởng đến tự nhiên

Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành các đặc điểm tự nhiên của nước ta.

Đặc điểm	Ảnh hưởng
Vị trí trong vùng nội chí tuyến BCB và trong khu vực gió mùa châu Á	- Thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. - Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nước ta là hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa phát triển trên đất feralit.
Phần đất liền hẹp ngang, giáp Biển Đông	- Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển. - Các hệ sinh thái rừng thường xanh chiếm ưu thế.
Gần nơi giao nhau của các vành đai sinh khoáng lớn	- Tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng.
Trên đường di cư, di lưu của nhiều loài sinh vật	- Tài nguyên sinh vật phong phú, đa dạng.
Lãnh thổ hẹp ngang theo chiều đông - tây, kéo dài theo chiều bắc - nam	- Thiên nhiên có sự phân hóa đa dạng, hình thành các miền địa lí tự nhiên khác nhau.
Trong khu vực chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai	- Gây thiệt hại nhiều về người và tài sản: bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, ngập lụt, hạn hán,...

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.
- + Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng

a) Mục tiêu: HS phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ đến kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng nước ta.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Nhóm	Lĩnh vực	Đặc điểm	Ảnh hưởng
1, 4	Kinh tế		
2, 5	Văn hóa - xã hội		
3, 6	An ninh quốc phòng		

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng		
Lĩnh vực	Đặc điểm	Ảnh hưởng
Kinh tế	Gần trung tâm Đông Nam Á, nằm trong khu vực có kinh tế phát triển năng động bậc nhất thế giới, án ngữ trên các tuyến hàng hải, hàng không huyết mạch.	- Có nhiều cảng biển, cảng hàng không quốc tế,... - Tạo thuận lợi để Việt Nam hội nhập, giao lưu với các nước trong khu vực và trên thế giới. - Thúc đẩy mở cửa và thu hút vốn đầu tư của nước ngoài.
Văn hóa - xã hội	Nằm trong khu vực có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hoá - xã hội và mối giao lưu lâu đời.	- Tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta chung sống hoà bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước trong khu vực.
An ninh quốc phòng	Vị trí đặc biệt quan trọng ở khu vực Đông Nam Á	- Rất nhạy cảm với những biến động chính trị trên thế giới. - Biển Đông là một hướng chiến lược quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Lập sơ đồ thể hiện ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên Việt Nam.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

* **Tham khảo:**



d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Tìm hiểu về chế độ pháp lí của các vùng biển nước ta theo Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Gợi ý:

- Chế độ pháp lý của vùng nội thủy:
- Chế độ pháp lý của vùng lãnh hải:
- Chế độ pháp lý của vùng tiếp giáp lãnh hải:
- Chế độ pháp lý của vùng đặc quyền kinh tế:
- Chế độ pháp lý của thềm lục địa:

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: BÀI 2. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẤM GIÓ MÙA

Ngày soạn: 10/9/2025

TIẾT 3-4. BÀI 2. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác.
- Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống.
- Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

2. Năng lực:

* Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
 - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
 - + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

* Năng lực đặc thù:

- *Nhận thức khoa học địa lí:*
 - + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:
 - Sử dụng được bản đồ để xác định được nhân tố chính tạo nên tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của các thành phần tự nhiên nước ta.
 - + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được biểu hiện và nguyên nhân dẫn đến tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của các thành phần tự nhiên nước ta. Ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tới các hoạt động sản xuất và đời sống.
- *Tìm hiểu địa lí:*
 - + Sử dụng các công cụ địa lí
 - > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...
 - > Biết đọc và sử dụng bản đồ Khí hậu Việt Nam, Atlas Địa lí Việt Nam.
 - > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: nhiệt độ trung bình năm, lượng mưa trung bình năm, cân bằng ẩm...
 - > Nhận xét và giải thích biểu đồ về nhiệt độ và lượng mưa, sử dụng mô hình, tranh ảnh...
 - + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.
- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*
 - + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về khí hậu, địa hình, sông ngòi, đất, sinh vật của nước ta.
 - + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến biểu hiện, nguyên nhân dẫn đến tính chất nhiệt đới ẩm của tự nhiên và ảnh hưởng của tính chất đó tới các hoạt động sản xuất và đời sống.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước. Tự hào trước các đặc điểm nổi bật của thiên nhiên nước ta.
- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác.
- *Chăm chỉ:* Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- *Trung thực* trong học tập.
- *Trách nhiệm*: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

Tiết	Ngày dạy	Lớp	Sĩ số	Ghi chú

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình học.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu: Tạo sự hứng khởi và huy động thông tin về tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa nước ta qua video và kiến thức mà HS đã được học ở bậc THCS, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi.

*** Câu hỏi:** Em hãy xem video và nêu những hiểu biết của mình về đặc điểm khí hậu nước ta.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Trình chiếu video và cho HS trả lời câu hỏi để “Vượt qua thử thách”.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS theo dõi và có 30 giây suy ngẫm sau đó trả lời câu hỏi.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

Mở đầu: Đặc điểm cơ bản của thiên nhiên Việt Nam là tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa biểu hiện trong khí hậu và các thành phần tự nhiên khác như thế nào? Tính chất đó có ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống ra sao?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu tính chất nhiệt đới và tính chất ẩm của khí hậu nước ta

a) Mục tiêu: Trình bày được các biểu hiện của tính chất nhiệt đới và tính chất ẩm thông qua khí hậu. Sử dụng được số liệu thống kê để trình bày đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm của thiên nhiên nước ta.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

Bảng 2.1. CHỈ SỐ NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM VÀ TỔNG SỐ GIỜ NẮNG Ở MỘT SỐ TRẠM KHÍ TƯỢNG

Trạm khí tượng	Nhiệt độ trung bình năm (°C)	Tổng số giờ nắng (giờ/năm)
Lạng Sơn (Lạng Sơn)	21,3	1 561
Láng (Hà Nội)	23,9	1 489
Huế	25,1	1 916
Quy Nhơn (nay thuộc Gia Lai)	27,1	2 445
Cà Mau (Cà Mau)	27,1	2 186

(Nguồn: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số liệu điều kiện tự nhiên)

Bảng 2.2. LƯỢNG MƯA VÀ ĐỘ ẨM TƯƠNG ĐỐI CỦA KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH NĂM Ở MỘT SỐ TRẠM KHÍ TƯỢNG

Trạm khí tượng	Lượng mưa trung bình năm (mm)	Độ ẩm tương đối của không khí trung bình năm (%)
Lạng Sơn (Lạng Sơn)	1 318	83
Láng (Hà Nội)	1 670	81
Huế	2 936	84
Cà Mau (Cà Mau)	2 394	83

(Nguồn: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng năm 2022)

* **Câu hỏi:** Trình bày biểu hiện của tính chất nhiệt đới, tính chất ẩm qua yếu tố khí hậu và giải thích nguyên nhân?

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. BIỂU HIỆN CỦA THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta thể hiện rõ rệt ở tất cả các thành phần tự nhiên.	
1. Khí hậu * Lượng bức xạ mặt trời lớn và nhiệt độ trung bình năm cao:	
Biểu hiện - Nước ta nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn. - Cán cân bức xạ quanh năm dương. - Nhiệt độ trung bình năm: $>20^{\circ}\text{C}$ - Tổng số giờ nắng cao: 1 400 - 3 000 giờ.	Nguyên nhân - Vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến. - Có góc nhập xạ lớn $\Rightarrow$ nhận lượng bức xạ mặt trời lớn.
* Lượng mưa, độ ẩm lớn:	
Biểu hiện - Tổng lượng mưa trong năm lớn: từ 1 500 đến 2 000 mm - Độ ẩm không khí cao: 80 - 85%. - Cân bằng ẩm luôn dương.	Nguyên nhân - Các khối khí di chuyển qua biển kết hợp yếu tố địa hình. - Nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa nên thường có lượng mưa lớn

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

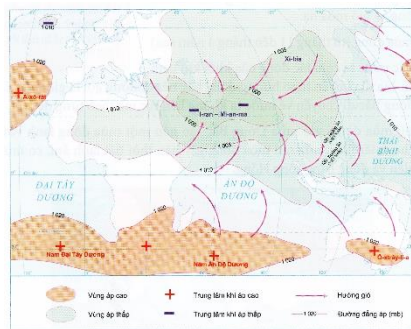
+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

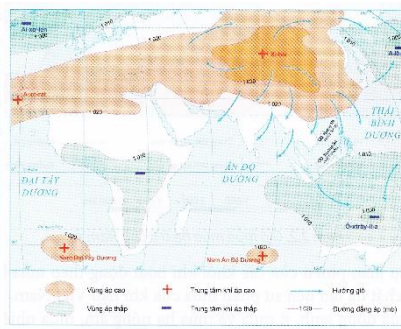
Hoạt động 2.2. Tìm hiểu tính chất gió mùa của khí hậu nước ta

a) Mục tiêu: Trình bày được các biểu hiện của tính chất gió mùa thông qua khí hậu. Sử dụng được bản đồ để trình bày đặc điểm khí hậu gió mùa ở nước ta.

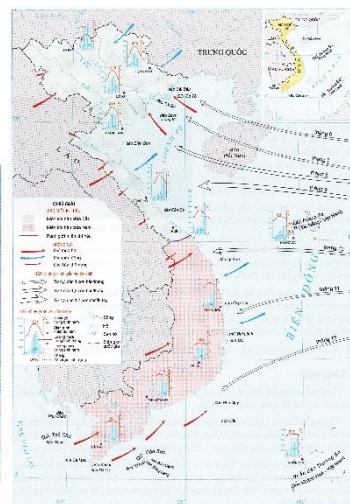
b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.



Hình 2.2. Gió mùa mùa hạ ở Đông Nam Á



Hình 2.1. Gió mùa mùa đông ở Đông Nam Á



Hình 2.3. Bức đồ khí hậu Việt Nam

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nguyên nhân của gió mùa				
Gió mùa	Đông		Hạ	
Loại gió	Gió mùa Đông Bắc	Tín phong BCB	Gió mùa Tây Nam đầu mùa hạ	Gió mùa Tây Nam giữa và cuối mùa hạ
Thời gian				
Nguồn gốc				
Hướng gió				
Tính chất				
Phạm vi hoạt động				
Thời tiết đặc trưng				

* **Nhóm 1, 3:** Hoàn thành phiếu học tập số 1 (Nguyên nhân + Gió mùa đông)

* **Nhóm 2, 4:** Hoàn thành phiếu học tập số 1 (Nguyên nhân + Gió mùa hạ)

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

* Gió mùa				
Nguyên nhân của gió mùa	- Nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc $\Rightarrow$ Tín phong hoạt động quanh năm. - Nằm trong khu vực gió mùa châu Á $\Rightarrow$ hình thành 2 mùa gió chính là gió mùa đông và gió mùa hạ.			
Gió mùa	Đông		Hạ	
Loại gió	Gió mùa Đông Bắc	Tín phong BBC	Gió mùa Tây Nam đầu mùa hạ	Gió mùa Tây Nam giữa và cuối mùa hạ
Thời gian	Từ tháng 11 - 4 năm sau.		Từ tháng 5 - 10	
Nguồn gốc	Áp cao Xi- bia	Áp cao chí tuyến BCB	Bắc Ấn Độ Dương	Áp cao cận chí tuyến BCN
Hướng gió	Đông Bắc	Đông Bắc	Tây Nam	Tây Nam, Đông Nam
Tính chất	Lạnh, khô	Khô, nóng	Nóng, ẩm	Nóng, ẩm

Phạm vi hoạt động	Chủ yếu: phía bắc dãy Bạch Mã	Cả nước (rõ rệt hơn ở phía nam dãy Bạch Mã).	Cả nước	Cả nước
Thời tiết đặc trưng	- Nửa đầu mùa đông: lạnh, khô. - Nửa sau mùa đông: lạnh ẩm, mưa phùn ven biển và ĐBSH.	- Mưa: Trung Bộ. - Mùa khô: Nam Bộ, vùng cao nguyên tây Nam Trung Bộ.	- Mưa: Nam Bộ, vùng cao nguyên tây Nam Trung Bộ. - Nóng, khô: ven biển miền Trung, phía nam vùng Tây Bắc (gió phơn).	- Mưa nhiều: phạm vi cả nước (mưa lớn, kéo dài ở Nam Bộ, vùng cao nguyên tây Nam Trung Bộ). - Mưa ở ĐHSB do gió chuyển hướng thành Đông Nam vào.

- Gió mùa Tây Nam cùng với dải hội tụ nhiệt đới và bão gây mưa vào mùa hạ trên cả nước.
- Sự luân phiên của các khối khí hoạt động theo mùa đã tạo nên sự phân mùa của khí hậu Việt Nam:
+ Miền Bắc: có mùa đông lạnh, ít mưa và mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều; giữa hai mùa có thời kì chuyển tiếp.
+ Miền Nam: có mùa mưa và mùa khô rõ rệt. Giữa vùng cao nguyên tây Nam Trung Bộ và đồng bằng ven biển Trung Bộ có sự đối lập về mùa mưa và mùa khô.

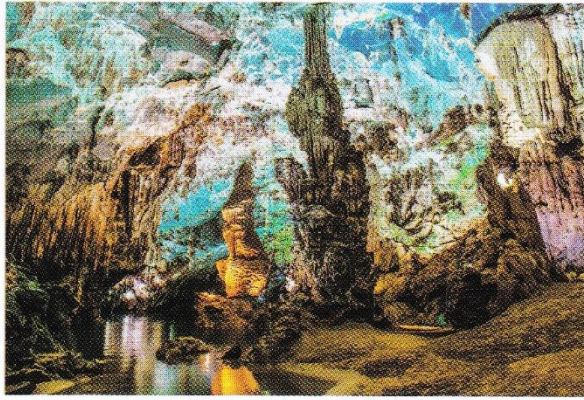
EM CÓ BIẾT?
Bản chất của gió mùa Đông Bắc là sự di chuyển của khối không khí cực đới lục địa từ vùng áp cao Xi-bia thổi về. Áp cao Xi-bia nằm ở khoảng vĩ độ 50⁰B. Tại trung tâm này, không khí rất lạnh và khô, nhiệt độ trung bình mùa đông khoảng -40 đến -15°C, trị số áp suất lên tới 1 040 - 1 060 mb.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**
 - + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
 - + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**
 - + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
 - + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của các thành phần tự nhiên khác

- a) **Mục tiêu:** Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua các thành phần tự nhiên khác: địa hình, sông ngòi, đất và sinh vật.
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.



Hình 2.4. Địa hình các-xơ ở Quảng Bình

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm	Thành phần	Biểu hiện	Nguyên nhân
1	Địa hình		
2	Sông ngòi		
3	Đất		
4	Sinh vật		

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

Thành phần	Biểu hiện	Nguyên nhân
2. Địa hình	- Phong hóa:	
	+ Diễn ra mạnh mẽ làm cho bề mặt địa hình bị thay đổi.	+ Nhiệt độ và độ ẩm cao.
	+ Vùng núi đá vôi: phổ biến dạng địa hình các-xơ (karst): hang động, thung khô,..	+ Quá trình ăn mòn, xâm thực và phong hoá của nước với đá vôi.
	- Xâm thực và bồi tụ: là quá trình chính trong sự hình thành địa hình Việt Nam.	
	+ Xâm thực mạnh ở miền đồi núi: địa hình bị cắt xẻ, bào mòn, sạt lở đất...	+ Địa hình dốc, mưa lớn theo mùa.
	+ Bồi tụ nhanh ở vùng đồng bằng: có các đồng bằng lớn, hằng năm được mở rộng.	+ Kết quả của quá trình phong hóa và xâm thực diễn ra mạnh mẽ.
3. Sông ngòi	- Mạng lưới sông ngòi dày đặc: có 2 360 con sông dài trên 10 km. - Sông ngòi nhiều nước: > 839 tỉ m ³ /năm. - Tổng lượng phù sa lớn: 200 triệu tấn/năm.	- Lượng mưa lớn, địa hình nhiều đồi núi, cắt xẻ. - Lượng mưa lớn, quá trình phong hóa, xâm thực diễn ra mạnh mẽ.
	- Chế độ nước theo hai mùa rõ rệt: + Mùa lũ ⇔ mùa mưa, mùa cạn ⇔ mùa khô.	- Chế độ mưa theo mùa rõ rệt.

	+ Chế độ dòng chảy thất thường.	
4. Đất và sinh vật	- Đất: + Quá trình fe-ra-lit là quá trình hình thành đất đặc trưng. + Loại đất chủ yếu ở vùng đồi núi là đất fe-ra-lit. + Đất fe-ra-lit thường có màu đỏ vàng và chua. + Đất thường có độ dày lớn nhưng dễ bị xói mòn, rửa trôi. + Một số nơi hình thành các tầng kết von hoặc đá ong.	- Do nhiệt cao, ẩm lớn, mưa tập trung theo mùa. - Do địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.
	- Sinh vật: + Có lượng sinh khối lớn và năng suất sinh học cao. + Thành phần các loài nhiệt đới chiếm ưu thế: họ Đậu, Vang, Dâu tằm, Dầu, công, trĩ, trĩ, gà lôi, vẹt, khỉ, vượn, nai, hoẵng,.. + Hệ sinh thái phổ biến: > Rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh, > Rừng gió mùa nửa rụng lá, > Rừng thưa khô rụng lá, > Trảng cỏ, cây bụi,... + Cảnh quan tiêu biểu: Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất fe-ra-lit.	- Khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất

a) Mục tiêu: Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất ở nước ta.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

* **Câu hỏi:** Phân tích ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất ở nước ta.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. ẢNH HƯỞNG CỦA THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG

1. Ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất		
Ngành	Thuận lợi	Khó khăn
Nông nghiệp	- Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới. - Tăng vụ, tăng năng suất, tạo tiền đề để phát triển nông nghiệp hàng hoá. - Đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, vật nuôi.	- Khó khăn cho hoạt động canh tác, kế hoạch mùa vụ. - Nhiều thiên tai, dịch bệnh,...
Các ngành khác	- Lâm nghiệp: trồng rừng, tăng độ che phủ rừng. - Thủy sản: diện tích nuôi trồng rộng, trữ lượng đánh bắt lớn. - GTVT phát triển. - Du lịch: diễn ra quanh năm, đa dạng. - Hoạt động khai thác và xây dựng diễn ra thuận lợi trong mùa khô.	- Thiên tai, các hiện tượng thời tiết cực đoan và sự phân mùa khí hậu. - Độ ẩm cao gây khó khăn cho việc bảo dưỡng máy móc, thiết bị và bảo quản các sản phẩm,....

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.5. Tìm hiểu ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến đời sống

a) Mục tiêu: Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến đời sống.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

* **Câu hỏi:** Phân tích ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến đời sống của người dân.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Ảnh hưởng đến đời sống	
Thuận lợi	Khó khăn
- Các hoạt động sinh hoạt của người dân có thể diễn ra quanh năm. - Cung cấp nước quan trọng cho đời sống và sinh hoạt.	- Các thiên tai và hiện tượng thời tiết cực đoan thường xuyên diễn ra, tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng rất lớn đến đời sống, gây thiệt hại về người và tài sản.... - Dịch bệnh thường xuyên bùng phát.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

*** Câu hỏi:** Phân tích tác động của vị trí địa lý và hình dạng lãnh thổ tới đặc điểm khí hậu nước ta.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Gợi ý:

Vị trí địa lý và hình dạng lãnh thổ	Đặc điểm khí hậu
Nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc, trong khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió Mậu dịch và gió mùa châu Á	Nhiệt đới, chịu ảnh hưởng của gió mùa.
Nằm liền kề Biển Đông có nguồn ẩm dồi dào	Nhiệt đới ẩm.
Hình dạng lãnh thổ kéo dài từ Bắc vào Nam	Phân hóa theo chiều Bắc - Nam.
...	...

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận và tìm đáp án.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lý giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

*** Câu hỏi:** Tìm hiểu về ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống ở nơi em sống.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

*** Gợi ý:**

- Giới thiệu khái quát về địa phương em: tên gọi, lịch sử, vị trí địa lý, diện tích, dân số, tình hình chung về kinh tế, văn hóa, xã hội, các ngành sản xuất chủ yếu...

- Thuận lợi:

- Khó khăn:

- Kết luận hoặc đề xuất các giải pháp để phát huy những mặt thuận lợi, khắc phục những mặt khó khăn.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tìm hiểu và thảo luận.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: BÀI 3. SỰ PHÂN HOÁ ĐA DẠNG CỦA THIÊN NHIÊN

